

Số: 02762/2025/PKQ(25/03.04-0871)

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1	Tên khách hàng:	CÔNG TY TNHH DUY ĐỨC VIỆT NAM
2	Địa chỉ:	Lô AV - 1,2,3,4,7 KCN Tân Hương, Tân Hương, H. Châu Thành, Tiền Giang
3	Ngày nhận mẫu:	03/04/2025
4	Loại mẫu:	Khí thải
5	Cán bộ tham gia thực hiện:	
	Cán bộ phòng thí nghiệm	
	Nguyễn Quang Đức	

6. Kết quả như sau:

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	02A0304.049	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B K _p =0,8; K _v =1
1.	Lưu lượng	US.EPA Method 2	m ³ /h	5.650	--
2.	Bụi	US.EPA Method 5	mg/Nm ³	28	160
3.	CO	TCVN 7242:2003	mg/Nm ³	KPH	800
4.	NO _x	TCVN 7172:2002	mg/Nm ³	KPH	680
5.	SO ₂	US.EPA Method 8	mg/Nm ³	KPH	400

Ghi chú:

- **02A0304.049:** Sau hệ thống xử lý bụi, khí thải từ chuyển cắt lazer tại xưởng 36 (Dòng thải số 34)
- Tọa độ: X = 1159859; Y = 566931

TRẠM QT&PT MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG



PHÓ GIÁM ĐỐC
ThS. Trần Thị Liễu

PHÒNG QT&PT MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG
Cán bộ QA/QC



Vũ Thị Thanh Phương

Trưởng phòng



Đặng Thị Thu Hà

- Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
- Thông số in nghiêng được thực hiện bởi nhà thầu phụ

**TRẠM QUAN TRẮC VÀ PHÂN TÍCH
MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG**

Địa chỉ: 99 Trần Quốc Toàn, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024-22172480; 024-22172473 - Fax: 024-38223011



Số: 02755/2025/PKQ(25/02.04-0870)

Hà Nội, ngày 14 tháng 04 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1	Tên khách hàng:	CÔNG TY TNHH DUY ĐỨC VIỆT NAM
2	Địa chỉ:	Lô AV - 1,2,3,4,7 KCN Tân Hương, Tân Hương, H. Châu Thành, Tiền Giang
3	Ngày nhận mẫu:	02/04/2025
4	Loại mẫu:	Khí thải
5	Cán bộ tham gia thực hiện:	
Cán bộ phòng thí nghiệm		
Nguyễn Quang Đức		

6. Kết quả như sau:

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	02A0204.036	02A0204.037	02A0204.038	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B K _p =0,8; K _v =1
1.	Lưu lượng	US.EPA Method 2	m ³ /h	4.780	8.520	4.650	--
2.	Bụi	US.EPA Method 5	mg/Nm ³	32	21	22	160

Ghi chú:

- **02A0204.036:** Sau hệ thống xử lý bụi từ chuyển mài số 01 (ống thải số 01) (Dòng thải số 76) - Tọa độ: X = 1159859; Y = 566931
- **02A0204.037:** Sau hệ thống xử lý bụi từ chuyển mài số 01 (ống thải số 02) (Dòng thải số 77) – Tọa độ: X = 1159730; Y = 566142
- **02A0204.038:** Sau hệ thống xử lý bụi từ chuyển mài số 02 (ống thải số 01) (Dòng thải số 78) – Tọa độ: X = 1159733; Y = 566146

TRẠM QT&PT MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG



PHÓ GIÁM ĐỐC
ThS. Trần Thị Liễu

PHÒNG QT&PT MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG
Cán bộ QA/QC

Vũ Thị Thanh Phương

Trưởng phòng

Đặng Thị Thu Hà

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Thông số in nghiêng được thực hiện bởi nhà thầu phụ

Số: 02761/2025/PKQ(25/03.04-0871)

Hà Nội, ngày 15 tháng 04 năm 2025

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

1	Tên khách hàng:	CÔNG TY TNHH DUY ĐỨC VIỆT NAM
2	Địa chỉ:	Lô AV - 1,2,3,4,7 KCN Tân Hương, Tân Hương, H. Châu Thành, Tiền Giang
3	Ngày nhận mẫu:	03/04/2025
4	Loại mẫu:	Khí thải
5	Cán bộ tham gia thực hiện:	
	Cán bộ phòng thí nghiệm	
	Nguyễn Quang Đức	

6. Kết quả như sau:

TT	Thông số	Phương pháp thử	Đơn vị	02A0304.046	02A0304.047	02A0304.048	QCVN 19:2009/ BTNMT Cột B $K_p=0,8; K_v=1$
1.	Lưu lượng	US.EPA Method 2	m ³ /h	8.350	4.860	8.250	--
2.	Bụi	US.EPA Method 5	mg/Nm ³	38	22	33	160

Ghi chú:

- **02A0304.046:** Sau hệ thống xử lý bụi từ chuyền mài số 02 (ống thải số 02) – Tọa độ: X = 1159730; Y = 566146
- **02A0304.047:** Sau hệ thống xử lý bụi từ chuyền mài số 04 (ống thải số 01) (Dòng thải số 82) – Tọa độ: X = 1159747; Y = 566155
- **02A0304.048:** Sau hệ thống xử lý bụi từ chuyền mài số 04 (ống thải số 02) (Dòng thải số 83) – Tọa độ: X = 1159745; Y = 566155

TRẠM QT&PT MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG



PHÓ GIÁM ĐỐC
ThS. Trần Thị Liễu

PHÒNG QT&PT MÔI TRƯỜNG LAO ĐỘNG
Cán bộ QA/QC

Vũ Thị Thanh Phương

Trưởng phòng

Đặng Thị Thu Hà

1. Kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm
2. Thông số in nghiêng được thực hiện bởi nhà thầu phụ



CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ

DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamsatmoitruong.com.vn



Mã số/ Ref. No: 02193/2025/PKQ (25.1024)



PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

TEST REPORT

- Tên khách hàng/ Client's Name: CÔNG TY TNHH DUY ĐỨC VIỆT NAM
- Địa điểm lấy mẫu/
Sampling location: CÔNG TY TNHH DUY ĐỨC VIỆT NAM - Lô BIV, CI-10, Khu công nghiệp Tân Hương, xã Tân Hương, huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang
- Loại mẫu/ Type of sample: Khí thải
- Thông tin mẫu/ Sample information:

Mã số mẫu/ Sample code	Vị trí lấy mẫu (Tên mẫu)/ Sampling locations	Tọa độ/ Coordinate
25.1024.KT.09	Dòng thải số 80: Hệ thống xử lý bụi từ chuyển mài số 03 (ống thải số 01) tại Xưởng C5	X=1159740, Y=0566151
25.1024.KT.11	Dòng thải số 81: Hệ thống xử lý bụi từ chuyển mài số 03 (ống thải số 02) tại Xưởng C5	X=1159740, Y=566149
25.1024.KT.15	Dòng thải số 84: Hệ thống xử lý bụi, khí thải từ máy trộn (lưu hóa) sản xuất đế ngoài tại xưởng C9	X=1159634, Y=566179
25.1024.KT.17	Dòng thải số 35: Hệ thống xử lý hơi dung môi từ phòng xử lý đế tại xưởng C5	X=1159720, Y=566137
25.1024.KT.18	Dòng thải số 37: Hệ thống xử lý hơi dung môi từ chuyển dán số 01, 02 (quét xử lý, quét keo) tại Xưởng C5	X=1159779, Y=566178
25.1024.KT.19	Dòng thải số 39: Hệ thống xử lý hơi dung môi từ chuyển dán số 03 (quét xử lý, quét keo) tại xưởng C5	X=1159786, Y=566183

5. Ngày lấy mẫu (nhận mẫu) / Sample date (Sample receipt): 02/04/2025

6. Ngày trả kết quả/ Returning results date: 11/04/2025

7. Bảng kết quả/ Results table

**CÔNG TY CP XÂY DỰNG & MÔI TRƯỜNG ĐẠI PHÚ****DAI PHU CONSTRUCTION & ENVIRONMENT JSC**

Địa chỉ: 156 Vườn Lài, P. An Phú Đông, Quận 12, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: 0971846393 Email: mtdaiphu@gmail.com

Website: daiphuenvironment.com or giamساتmoitruong.com.vn

**Bảng 1/ Table 1:**

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 19:2009/ BTNMT	QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.1024. KT.09	25.1024. KT.11	25.1024. KT.15	Cmax ⁽¹⁾	Nồng độ tối đa ⁽²⁾
1	1.3- Butadien ^(c)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	-	-	KPH (MDL=0,96)	-	2.200
2	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	4.806	8.669	2.790	-	-
3	SO ₂ ^(a)	mg/Nm ³	HDCV/LM-82	-	-	<2,62	400	-
4	Tổng bụi (PM) ^(a)	mg/Nm ³	US EPA Method 5	31	27	52	160	-
5	Phenol ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	-	-	KPH (MDL=0,2)	-	19
6	Styrene ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	-	-	KPH (MDL=0,2)	-	100

Bảng 2/ Table 2:

STT/ No.	Thông số/ Parameters	Đơn vị/ Unit	Phương pháp thử nghiệm/ Testing methods	Kết quả/ Testing result			QCVN 20:2009/ BTNMT
				25.1024. KT.17	25.1024. KT.18	25.1024. KT.19	Nồng độ tối đa ⁽²⁾
1	Lưu Lượng ^(a)	Nm ³ /h	US EPA Method 2	1.765	8.952	9.016	-
2	Cyclohexane ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	1.300
3	Ethyl acetate ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	1.400
4	Methylcyclohexane ^(a)	mg/Nm ³	PD CEN/TS 13649:2014	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	KPH (MDL=0,2)	2.000

Chú thích/ Remarks:

1. (a): Thông số đã được Bộ tài nguyên và Môi trường công nhận/ The parameter has been recognized by the Ministry of Natural Resources and Environment.

2. (c): Thông số gửi nhà thầu phụ/ The parameters sent to subcontractors.

3. KPH: Không phát hiện (<MDL)/ Not detected

"-": Không quy định

4. (1): Cột B, K_p=0,8; K_v=1: Cơ sở với lưu lượng nguồn thải P > 100.000 và khu vực khu công nghiệp; đô thị loại V (1); vùng ngoại thành, ngoại thị đô thị loại II, III, IV có khoảng cách đến ranh giới nội thành, nội thị lớn hơn hoặc bằng 02 km; cơ sở sản xuất công nghiệp chế biến, kinh doanh, dịch vụ và các hoạt động công nghiệp khác có khoảng cách đến ranh giới các khu vực này dưới 02 km.

5. (2): QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Supervised by

NGUYỄN CHÍ NHÃ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 04 năm 2025

GIÁM ĐỐC

Director

ĐOÀN THỊ THỦY

1. Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử/ Testing results in this test reports are valid only for the sample

2. Không được sao chép một cách không đầy đủ hoặc không có sự chấp thuận của công ty/ This report will not be reproduced except in full, without approval of company